

**QUY ĐỊNH****về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức bộ máy  
và mối quan hệ công tác của Ban Dân vận Tỉnh ủy**

-----

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quy định số 04-QĐi/TW, ngày 25/7/2018 của Ban Bí thư Trung ương về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An khoá XVIII;
- Căn cứ Quy định số 1954-QĐi/TU, ngày 04/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử;
- Xét đề nghị của Ban Dân vận Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy,  
Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Ban Dân vận Tỉnh ủy như sau:

**Điều 1. Chức năng của Ban Dân vận Tỉnh ủy**

1. Là cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy về công tác dân vận.
2. Là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân vận của Tỉnh ủy (bao gồm cả công tác dân tộc, tôn giáo); là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở của tỉnh.

**Điều 2. Nhiệm vụ**

1. Nghiên cứu, đề xuất và thực hiện
  - a) Chủ trì, phối hợp tham mưu, đề xuất xây dựng các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, chương trình công tác dân vận và chủ trương, giải pháp về công tác dân vận của Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
  - b) Chủ trì, phối hợp nghiên cứu, đề xuất Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy

ché, kết luận của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo, phát huy quyền làm chủ của nhân dân và triển khai tổ chức thực hiện.

c) Tham mưu giúp cấp ủy nắm tình hình và chỉ đạo hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, hội quần chúng ở địa phương; hoạt động công tác dân vận của các cơ quan nhà nước ở địa phương. Định kỳ hàng tháng chủ trì giao ban Khôi dân (Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội).

d) Phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể theo dõi, tổng hợp tình hình nhân dân (bao gồm cả tình hình dân tộc, tôn giáo, các giai tầng xã hội, các vấn đề bức xúc trong nhân dân), báo cáo và tham mưu kịp thời với Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy để lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận và xử lý những vấn đề phát sinh.

đ) Tham gia ý kiến với các cơ quan chính quyền trong việc thể chế hóa nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng về công tác dân vận, tôn giáo, dân tộc và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

e) Thực hiện việc báo cáo định kỳ và đột xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Dân vận Trung ương theo quy định.

g) Sơ kết, tổng kết về công tác dân vận.

## 2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát

a) Việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng về công tác dân vận.

b) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân vận cho cấp ủy và cán bộ làm công tác dân vận của các cấp, các ngành trong Đảng bộ tỉnh.

## 3. Thẩm định, thẩm tra

a) Các đề án, văn bản về công tác dân vận trước khi trình Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy.

b) Tham gia ý kiến đối với các đề án, dự án thuộc lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng - an ninh... có liên quan đến công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo; các đề án, dự án có liên quan đến quyền làm chủ của nhân dân và công tác dân vận của các cơ quan nhà nước.

## 4. Phối hợp

a) Với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tham mưu, giúp Tỉnh ủy xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm về công tác dân vận.

b) Với các ban, ngành liên quan trong các hoạt động chung về công tác dân vận; công tác nghiên cứu, kiểm tra, đào tạo, bồi dưỡng, thông tin... về công tác dân vận ở địa phương.

c) Với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan liên quan và các hội quần chúng trong công tác vận động nhân sĩ, trí thức, người có uy tín trong đồng bào các dân tộc thiểu số và chức sắc trong tôn giáo; trong việc tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

d) Với Ban Tổ chức Tỉnh ủy trong công tác cán bộ theo quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử; trong việc quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, người lao động của Ban Dân vận Tỉnh ủy.

đ) Với Văn phòng Tỉnh ủy giúp Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

5. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy giao.

### **Điều 3. Trách nhiệm, quyền hạn**

1. Chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy trong tham mưu, đề xuất cho cấp ủy và thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình về công tác dân vận.

2. Được yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy, các sở, ban, ngành cấp tỉnh báo cáo, cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Dân vận Tỉnh ủy.

3. Được cử cán bộ dự các cuộc họp, hội nghị của cấp ủy trực thuộc, các sở, ban, ngành, đảng đoàn, ban cán sự đảng, các cơ quan liên quan bàn về nội dung thuộc lĩnh vực chuyên môn do cơ quan mình phụ trách.

4. Thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm, thẩm quyền của chủ thể kiểm tra, giám sát theo quy định tại Điểm 1.2.1, Khoản 1.2, Mục 1, Phần I Quy định số 30-QĐ/TW, ngày 26/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương quy định thi

hành Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

5. Mở hội nghị hướng dẫn nghiệp vụ công tác dân vận cho cán bộ làm công tác dân vận các huyện, thành, thị ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy và cán bộ phụ trách công tác dân vận của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị.

#### **Điều 4. Tổ chức bộ máy**

1. Lãnh đạo ban: Gồm Trưởng Ban và không quá 2 Phó trưởng Ban. Phân công nhiệm vụ cho các Phó trưởng ban do lãnh đạo ban quyết định.

2. Các đơn vị trực thuộc

- Không quá 03 phòng (và tương đương). Tên gọi các phòng (và tương đương) căn cứ Quy định số 04-QĐi/TU ngày 25/7/2018 của Ban Bí thư Trung ương về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy và phù hợp tình hình thực tiễn của đơn vị.

- Tối thiểu 05 người mới được thành lập một đầu mối (phòng và tương đương). Phòng có dưới 10 người được bố trí trưởng phòng và 01 phó trưởng phòng; có từ 10 người trở lên được bố trí không quá 02 phó trưởng phòng.

#### **Điều 5. Biên chế**

- **Tối đa 17 người. Biên chế hàng năm, thực hiện theo quyết định giao biên chế của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.**

- Biên chế các phòng do lãnh đạo ban quyết định theo nguyên tắc tối thiểu có 05 biên chế/phòng.

#### **Điều 6. Về tiêu chuẩn chức danh và cơ cấu cán bộ, công chức, viên chức**

1. Về tiêu chuẩn chức danh

Việc xác định tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Ban Dân vận Tỉnh ủy theo quy định của Đảng, Ban Dân vận Tỉnh ủy tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định phù hợp yêu cầu nhiệm vụ.

2. Về cơ cấu cán bộ, công chức: Bảo đảm cơ cấu hợp lý để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của cơ quan. Đến năm 2021, **đảm bảo tối thiểu 60% biên chế thuộc nhóm chuyên môn, nghiệp vụ.**

#### **Điều 6. Mối quan hệ công tác**

1. Đối với Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy và Ban Dân vận Trung ương

- Ban Dân vận Tỉnh ủy chịu sự lãnh đạo và chỉ đạo về mọi mặt của Tỉnh ủy, trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy; thực hiện chế độ báo cáo, tham mưu đề xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy các vấn đề thuộc trách nhiệm, lĩnh vực được phân công.

- Ban Dân vận Tỉnh ủy định kỳ báo cáo, thông kê cơ bản về nhiệm vụ công tác với Ban Dân vận Trung ương; chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ của Ban Dân vận Trung ương.

2. Đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh

- Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh là quan hệ phối hợp.

- Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ Ban Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội nghiên cứu, triển khai tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Trung ương, của Tỉnh ủy; hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Đối với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh

Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh là quan hệ phối hợp.

- Ban Dân vận Tỉnh ủy phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân triển khai thực hiện có hiệu quả công tác dân vận chính quyền, các cơ quan nhà nước trên địa bàn.

- Ban Dân vận Tỉnh ủy phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân để triển khai thực hiện nhiệm vụ tham mưu thuộc lĩnh vực của mình có liên quan đến công tác quản lý nhà nước; Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh tạo điều kiện, hỗ trợ lẫn nhau để cùng hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Tại kỳ họp Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh bàn về các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của Ban Dân vận Tỉnh ủy, thì đại diện lãnh đạo Ban Dân vận Tỉnh ủy được mời dự, tham gia ý kiến. Những nội dung cần thiết, lãnh đạo Ban Dân vận Tỉnh ủy làm việc trực tiếp với

Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân để phối hợp thực hiện nhiệm vụ của mỗi bên.

4. Đối với cấp ủy và các ban dân vận các huyện, thành, thị ủy

- Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy là quan hệ phối hợp, trao đổi, hướng dẫn trong việc thực hiện công tác chuyên môn, tổ chức và cán bộ theo phân cấp.

- Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với ban dân vận các huyện, thành, thị ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy là quan hệ hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

5. Môi quan hệ với các ban và Văn phòng Tỉnh ủy

Quan hệ giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với các ban Đảng và Văn phòng Tỉnh ủy là quan hệ phối hợp trong việc xây dựng và triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết, kế hoạch,... của cấp ủy về công tác dân vận và những nội dung đã nêu trong Quy định này.

**Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy định số 5361-QĐ/TU ngày 22/6/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy của Ban Dân vận **Tỉnh ủy**.

2. Ban Dân vận **Tỉnh ủy** căn cứ Quy định này xây dựng quy chế làm việc, quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, biên chế của các phòng chuyên môn của Ban; đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị.

3. Các ban xây dựng đảng và Văn phòng Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, các huyện thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc, các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

4. Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, bổ sung, sửa đổi kịp thời.

Nơi nhận:

- Ban Dân vận Trung ương (bc),
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Các ban và Văn phòng Tỉnh ủy,
- Ban cán sự đảng, đảng đoàn; các huyện,

**T/M BAN THƯỜNG VỤ**  
**BÍ THƯ**

- thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc; các sở, ban, ngành, MTTQ và đoàn thể cấp tỉnh,
- Ban Dân vận Tỉnh ủy (10 bản),
  - Ban Tổ chức Tỉnh ủy (5 bản),
  - Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**Nguyễn Đức Vinh**

nghean.dcs.vn